TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phương

Bà Dương Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên toà: Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số …/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn 7, xã Th, huyện T, Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh C, sinh năm 1981; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 128 đường N H, phường N, quận Hải An, Hải Phòng; nơi ở: Số 25B/237 đường N H, phường N, quận Hải An, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị TT trình bày:

Chị và anh C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2017. Được sự đồng ý của hai bên gia đình, anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Hải, quận Hải An, Hải Phòng vào ngày 25/4/2017.

Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại địa chỉ: Số 128 đường N H, phường N, quận Hải An, Hải Phòng. Từ thời điểm chính thức về chung sống giữa hai vợ chồng đã xảy ra nhiều bất đồng, mâu tẫn. Nguyên nhân chính là do anh C không tu chí làm ăn, mải mê ham chơi cờ bạc, nghiện game. Để có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân, anh C nhiều lần yêu cầu chị T cầm cố tài sản trong gia đình, chị T không đồng ý bị anh đánh đập và có nhiều lời lẽ xúc phạm, lăng mạ chị và gia đình. Bản thân chị cùng gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi. Do mâu tẫn vợ chồng, tháng 6/2017, anh C gây gổ, xô xát với chị T và bị Công an phường Nam Hải lập biên bản xử lý. Sau sự việc trên, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh C từ đó đến nay. Suốt thời gian vợ chồng sống ly thân, anh C nhiều lần về gia đình chị T đe dọa, khủng bố tinh thần, tính mạng của chị và gia đình khiến mọi người rất lo sợ, hoang mang.

Đến nay, chị T không còn tình cảm với chồng, mâu tẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh C để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Qúa trình chung sống anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T, anh C có quan điểm:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Trong thời gian ngăn chung sống, chị T đã lừa dối anh về tình cảm cũng như kinh tế dẫn đến mâu tẫn trong cuộc sống vợ chồng. Giữa năm 2017, chị T tự ý bỏ nhà đi, mang theo số tiền khoảng 70 triệu đồng, khiến anh phải đứng ra trả nợ thay. Đến nay bản thân anh không còn tình cảm với chị T, không mong muốn vợ chồng tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiê, từ thời điểm bỏ đi, chị t luôn cố tình tìm cách né tránh, không gặp anh C để giải quyết dứt điểm vấn đề kinh tế giữa hai người do đó anh không đồng ý ký vào đơn ly hôn.

- Về con chung và tài sản chung: Anh chị không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Anh C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[1] Về thẩm quyền:

Yêu cầu về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh C hiện đang cư trú tại số nhà 25B/237 N H, phường N, quận Hải An, Hải Phòng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc kết hôn giữa chị T và anh C tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Theo xác nhận từ hai bên gia đình cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi nhau, xô xát. Chị T và anh C đều thừa nhận không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt, cả hai không mong muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân hiện tại.

Về phía anh C lý do không đồng ý ly hôn xuất phát từ mâu tẫn kinh tế giữa hai anh chị, không xuất phát từ mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Điều đó cho thấy, mâu tẫn giữa hai anh chị đã thực sự trầm trọng, cả hai không còn quan tâm đến tâm tư tình cảm của nhau.

Xét thấy mâu tẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 35, 39, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh C.
- Về con chung: Không đặt ra vấn đề giải quyết.
- Về tài sản chung: Không đặt ra vấn đề giải quyết.
- Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị T đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai t số 0016632 ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An.

- Về quyền kháng cáo:

Chị T, anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND phường Nam Hải, quận Hải An, HP
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Thị Hải Hà

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Công an quận Hải An;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Thị Hải Hà